

Bản án số: **27/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 16-8-2024

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Loan**

2. Ông **Đình Hữu Luynh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Minh Tiên** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Phương L**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: thôn K, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh **Lại Văn T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2024 và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Phương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lại Văn T sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 26/12/2014 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Quá trình sống chung, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống có quá nhiều sự khác biệt dẫn đến không hoà hợp mà thường xuyên xung đột, cãi vã nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn sự chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mạnh ai người đó sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai người con chung là cháu Lại Trần Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2014 và cháu Lại Trần Thanh T, sinh ngày 18/5/2016. Hiện nay, các cháu đang sinh sống cùng anh T và ông bà nội và đang học tập tại thị trấn D, huyện Đ. Do hiện tại chị chưa có việc làm ổn định nên chưa có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy, chị đồng ý giao hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Bị đơn anh Lại Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn anh T vắng mặt không có lý do, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn anh T không chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Phương L và anh Lại Văn T được ly hôn;

Về con chung: Giao cháu Lại Trần Quỳnh A và cháu Lại Trần Thanh T cho anh Lại Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu giải quyết nên không đề cập;

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về nợ chung: Chị L cho rằng không có nợ chung, anh T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về nợ chung, nếu sau này có tranh chấp về nợ chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết ly hôn với anh T, anh T có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 31 tháng 7 năm 2024, chị Liễu, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T đã được UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 26/12/2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị L, anh T là hợp pháp.

Theo chị L trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống có quá nhiều sự khác biệt dẫn đến không hoà hợp mà thường xuyên xung đột, cãi vã nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn sự chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mạnh ai người đó sống, đến nay tình cảm vợ chồng không còn.

Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 03/7/2024 (bút lục 31) ông Lại Văn T, bà Nguyễn Thị T là cha mẹ ruột của anh T cho biết “*Quá trình sống chung thì vợ chồng anh T, chị L không hạnh phúc, hay xảy ra xích mích, cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để mỗi người tự lo cuộc sống của mình*”. Theo biên bản xác minh ngày 05/7/2024 (bút lục 32) ông Trần Đức Ô, bà Ngô Thị D là cha mẹ ruột của chị L cho biết “*Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L, anh T chung sống cùng gia đình chồng tại thị trấn D một thời gian rồi chuyển đến xã Đ, huyện L sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nên từ năm 2018 chị L đã chuyển về ở cùng gia đình ông bà tại thôn K, xã L đến nay. Do chị L, anh T sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm nên ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống của mỗi người*”. Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2024 (bút lục 30) ông Mai Tuấn D là tổ trưởng tổ dân phố Đ, thị trấn D cho biết “*Vợ chồng anh T chị L chung sống với gia đình chồng tại tổ dân phố Đ, thị trấn D. Quá trình chung sống không hạnh phúc, chị L đã chuyển về thôn K, xã L sống cùng cha mẹ ruột nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay*”.

Đối với anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết và đến Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương tham gia tố tụng, thể hiện ý kiến về việc chị L yêu cầu ly hôn với anh nhưng không có mặt làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa; điều đó thể hiện sự bỏ mặc, không còn thiết tha đến tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L, anh T là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ mà cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn kéo dài nhưng các bên cũng không có biện pháp giải quyết, hàn hỷ tình cảm. Chúng tôi hôn nhân của chị L, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị L và anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị L, anh T có hai người con chung là cháu Lại Trần Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2014 và cháu Lại Trần Thanh T, sinh ngày 18/5/2016. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét thấy, đến thời điểm xét xử cháu Quỳnh A, cháu Thanh T đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với anh T. Theo Biên bản xác minh thì cha mẹ anh T, cha mẹ chị L và tổ trưởng tổ dân phố Đ đều cho biết hiện nay các cháu đang ở với anh T cùng ông bà nội, các cháu đang sinh sống và học tập ổn tại thị trấn D, hơn nữa chị L cũng thể hiện ý kiến đồng ý giao các con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì chưa có việc làm ổn định, điều kiện nuôi dưỡng các con không đảm bảo. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Quỳnh A, cháu Thanh T cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, đảm bảo để cho các cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt, vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị L cho rằng không có nợ chung. Đối với anh T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc nhưng vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về vấn đề nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung. Sau này nếu có tranh chấp về nợ chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh Toàn không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 205, 206, 207, 220, 227, 228, 238, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Phương L đối với bị đơn anh Lại Văn T.

Cho chị Trần Thị Phương L và anh Lại Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lại Trần Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2014 và cháu Lại Trần Thanh T, sinh ngày 18/5/2016 cho anh Lại Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Phương L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002509 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (chị Liễu đã nộp đủ). Anh Lại Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn